TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2024/HS-ST
Ngày: 08-7-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Ngô Bá Đức
2. Ông Phạm Văn Nam

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Thu Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Kim Chăm – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 21/2024/TLST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2024/QĐST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Hoàng G; Giới tính: Nam; Sinh ngày 11/11/2001; Nơi sinh: tỉnh Bến Tre; Nơi ĐKTT và chỗ ở hiện nay: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ văn hóa: Lớp 01/12; Con ông Nguyễn Trường V, sinh năm 1975 (còn sống); Con bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1978 (còn sống); Bị cáo có 01 người anh ruột, sinh năm 1998; Bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền sự: Có 02 tiền sự, cụ thể: Theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 13/QĐ-XPHC, ngày 30/11/2022 và Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC, ngày 27/12/2022 của Công an xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

- Tiền án: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/12/2023 đến ngày 07/02/2024 bị bắt tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt tại tòa.

- Người bị hại:

+ Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

+ Ông Hà Hoàng T1, sinh năm 1985. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

- Người làm chứng:

+ Bà Nguyễn Thị Tuyết N, sinh năm 2003. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

+ Bà Nguyễn Thị Thuý N, sinh năm 1984. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã L, huyện Trà Cú, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt, có đơn xin vắng).

+ Ông Nguyễn Trường D, sinh năm 2001. Địa chỉ cư trú: ấp H, xã H, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt, không lý do).

+ Ông Phan Vũ P, sinh năm 1996. Địa chỉ cư trú: ấp V, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Vũ P, sinh năm 1997. Địa chỉ cư trú: khu phố A, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

+ Ông Nguyễn Hoàng D, sinh năm 1988. Địa chỉ cư trú: ấp A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt, không lý do).

+ Ông Phan Phan Tinh K, sinh năm 1993. Địa chỉ cư trú: ấp P, xã T, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Vắng mặt, không lý do).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trương Thái S, sinh năm 1994. Địa chỉ cư trú: khu phố B, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 14 giờ 00 phút, ngày 09/9/2023, Nguyễn Hoàng G mượn xe mô tô hai bánh chưa rõ biển số của một người tên Tuấn A (chưa rõ nhân thân, địa chỉ cụ thể) điều khiển đến quán nước giải khát của ông Nguyễn Minh T ở ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam mua nước uống. Trong lúc chờ bà Nguyễn Thị Tuyết N là em gái của ông T mang nước ra, bị cáo nhìn thấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple Iphone 11 của ông T đang cắm sạc pin trên bàn liền nảy sinh ý định lấy trộm nên bị cáo yêu cầu bà Nhi cho nước vào ly nhựa để bị cáo mang đi. Lợi dụng lúc bà Nhi đi vào quầy nước, bị cáo lén lút lấy điện thoại bỏ vào túi quần đang mặc. Nhận ly nước xong, bị cáo điều khiển xe tẩu thoát. Khi đến cầu A, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, bị cáo dừng lại, tháo ốp lưng điện thoại vứt xuống sông. Khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo đem điện thoại trộm được đến Cửa hàng thế giới di động thuộc khu phố 5, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam nhờ nhân viên là bà Nguyễn Thị Thuý N nhập tài khoản để mở khoá màn hình. Do nghi ngờ điện thoại nêu trên do bị cáo trộm cắp mà có nên bà Ngân trình báo Công an thị trấn M. Qua làm việc, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội vào giao nộp điện thoại cho Công an thị trấn M thu giữ. Riêng ốp điện thoại không thu hồi được.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, Black, 64GB, màu đen, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 28/KL-HĐĐGTS ngày 29/9/2023 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam, kết luận:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Apple, model Iphone 11, màn hình IPS LCD, 6.1 inches, mặt kính cảm ứng cường lực; hệ điều hành IOS 15, chip xử lý (CPU): Apple A13 Bionic 6 nhân, tốc độ CPU 2 nhân 2.65GHz và 4 nhân 1.8 GHz, chip đồ hoạ: Apple GPU 4 nhân; bộ nhớ GAM 04 GB, dung lượng lưu trữ

64GB, số seri: FFXJGP23N735, IMEI: 351664767299546, đã qua sử dụng (không bao gồm sạc, tai nghe) có giá 7.500.000 đồng;

- 01 ốp lưng điện thoại bằng nhựa, màu xanh – trắng, đã qua sử dụng, còn giá trị sử dụng nhưng không còn giá trị định giá.

Quá trình đang thực hiện điều tra hành vi phạm tội nêu trên, bị cáo Nguyễn Hoàng G tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, cụ thể: Vào rạng sáng ngày 07/01/2024, bị cáo điều khiển xe mô tô gắn biển số 71H2-0037 của ông Trương Thái S (cho Phan Vũ P mượn từ trước), từ khu phố 5, thị trấn M, huyện Mỏ Cày Nam chở Phan Vũ P và Nguyễn Trường D đến nhà người bạn tên P ở xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre chơi. Trên đường đi, đến lộ bê tông bờ Kinh S thuộc ấp H, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, bị cáo quan sát thấy chiếc xe mô tô biển số 71B1-776.29 của ông Hà Hoàng T1 đang đậu cập lộ bê tông, không người trông coi. Bị cáo nảy sinh ý định lấy trộm nên rủ Phan Vũ P, Nguyễn Trường D cùng thực hiện nhưng Phan Vũ P và Nguyễn Trường D không đồng ý. Bị cáo tiếp tục điều khiển xe mô tô nêu trên chở Phan Vũ P và Nguyễn Trường D đi thêm 01 đoạn nữa. Lúc này Phan Vũ P đòi về nên bị cáo điều khiển xe quay lại ngã ba bờ Kinh S cho Phan Vũ P xuống xe, tự đi bộ về tiệm game bắn cá của ông Trương Thái S. Bị cáo tiếp tục chở Nguyễn Trường D đi đến nhà bạn. Khi đi đến vị trí để xe mô tô biển số 71B1-776.29 đang đậu, bị cáo tiếp tục rủ Nguyễn Trường D lấy trộm xe nhưng Nguyễn Trường D không đồng ý và có khuyên can, ngăn cản bị cáo bằng lời nói. Do Nguyễn Trường D không đồng ý nên bị cáo dừng xe, một mình đi đến chỗ xe mô tô biển số 71B1-776.29 đang đậu, lén lút trộm xe. Sau khi chiếm đoạt được xe, bị cáo kêu Nguyễn Trường D ngồi lên xe mô tô biển số 71B1-776.29 mới vừa trộm được để bị cáo điều khiển xe mô tô gắn biển số 71H2-0037 kè đẩy rời khỏi hiện trường nhưng Nguyễn Trường D không chịu. Sau đó, bị cáo dẫn chiếc xe mô tô biển số 71B1-776.29 vừa trộm được đi thêm 01 đoạn nữa rẽ vào hẻm gần đó cất giấu và ra đầu hẻm đứng đợi Nguyễn Trường D. Riêng Nguyễn Trường D, trong quá trình bị cáo thực hiện hành vi trộm xe và đẩy xe đi cất giấu, Nguyễn Trường D nhiều lần đề máy xe mô tô gắn biển số 71H2-0037 nhưng không chạy (do đã hết xăng), Nguyễn Trường D đẩy xe đi tiếp một đoạn đến đầu hẻm thì gặp bị cáo đang đứng đợi. Cả hai cùng đẩy xe gắn biển số 71H2-0037 về tiệm game bắn cá của Trương Thái S ở khu phố 5, thị trấn M. Tại đây, bị cáo nhờ Nguyễn Hoàng D chở bị cáo đến nơi cất giấu xe mô tô biển số 71B1-776.29 để kè đẩy giúp. Nguyễn Hoàng D không biết xe bị cáo vừa trộm được nên đồng ý, đã thực hiện kè đẩy một đoạn nhưng do mệt nên Nguyễn Hoàng D bỏ về. Bị cáo tiếp tục gọi điện thoại nhờ Nguyễn Vũ P hiện đang ở tiệm game bắn cá của ông Trương Thái S chạy xe mô tô đến kè đẩy xe mô tô biển số 71B1-776.29 về nhà trọ Hoa Sứ thuộc ấp P, xã T, huyện Mỏ Cày Nam để gửi cho Phan Phan Tinh K. Sau đó, bị cáo về tiệm game bắn cá của Trương Thái S ngủ. Sau khi bị mất xe, ông Hà Hoàng T1 đã trình báo với Công an xã Đ. Quá trình mời làm việc, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave S, màu sơn xanh – bạc – đen, số máy C55E-4448587, số khung 5216CY594985, biển số 71B1-776.29, đã qua sử dụng.

- 01 xe mô tô hai bánh không rõ nhãn hiệu, màu sơn xanh, số máy LC152FM00090289, số khung NJ110200012022, không bửng và yếm xe, gắn biển số 71H2-0037, đã qua sử dụng.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 24/01/2024 của Hội đồng định giá tài sản huyện Mỏ Cày Nam, kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave S, màu sơn xanh – bạc – đen, số máy C55E-4448587, số khung 5216CY594985, biển số 71B1-776.29, đã qua sử dụng, giá 7.000.000 đồng.

Tổng giá trị tài sản 02 lần bị cáo chiếm đoạt là 14.500.000 đồng. Bị cáo, bị hại đồng ý kết quả định giá, không yêu cầu định giá lại.

Quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản đối chất giữa bị cáo và người làm chứng và các vật chứng thu giữ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 243 ngày 23/11/2023 và số 108 ngày 22/02/2024, trả cho: ông Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động có đặc điểm như nêu trên; ông Hà Hoàng T1 01 xe mô tô biển số 71B1-776.29. Riêng các vật chứng còn lại tiếp tục tạm giữ.

* Tại bản Cáo trạng số 25/CT-VKSMCN ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam đã truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng G về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:* Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 07/02/2024.

- Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền, do bị cáo không có thu nhập ổn định.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự: Các bị hại đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt. Riêng bị hại Nguyễn Minh T yêu cầu bị cáo bồi thường chi phí sửa điện thoại là 2.500.000 đồng, quá trình điều tra bị cáo đồng ý nhưng chưa có tiền bồi thường đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận buộc bị cáo tiếp tục bồi thường.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

+ Ghi nhận Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện trả cho ông Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động có đặc điểm như nêu trên; ông Hà Hoàng T1 01 xe mô tô biển số 71B1-776.29.

+ Đề nghị tuyên tịch thu sung công quỹ 01 xe mô tô hai bánh không rõ nhãn hiệu, màu sơn xanh, số máy LC152FM00090289, số khung NJ110200012022, không bửng và yếm xe, đã qua sử dụng do ông Trương Thái S là người sở hữu xe không có yêu cầu nhận lại.

+ Đối với biển số xe 71H2-0037, đã qua sử dụng do không ai yêu cầu nhận lại nên đề nghị tịch thu tiêu huỷ.

- Đối với Nguyễn Trường D đi cùng với bị cáo, được bị cáo rủ rê trộm cắp tài sản nhưng không đồng ý và không cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không phạm tội. Đối với việc Nguyễn Trường D biết rõ bị cáo trộm cắp tài sản nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 của Bộ luật hình sự nên không truy trách nhiệm hình sự tội "Không tố giác tội phạm" theo quy định tại Điều 390 của Bộ luật hình sự.

- Đối với Nguyễn Vũ P, Nguyễn Hoàng D, Phan Phan Tinh K có hành vi giúp bị cáo kè, đẩy và cho gửi xe mô tô biển số 71B1-776.29 nhưng không biết xe do bị cáo trộm mà có nên không bị xử lý hình sự.

- Đối với Phan Vũ P cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng để phạm tội nên không xử lý.

* *Tại phiên tòa,* bị cáo Nguyễn Hoàng G khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện giống như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo; thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật.

* *Tại phiên tòa,* người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trương Thái S giữ nguyên lời trình bày trong quá trình điều tra, không yêu cầu nhận lại xe mô tô hai bánh không rõ nhãn hiệu, màu sơn xanh, số máy LC152FM00090289, số khung NJ110200012022, không bửng và yếm xe, đã qua sử dụng.

* *Bị cáo Nguyễn Hoàng G nói lời sau cùng:* Bị cáo xin lỗi 02 bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2]. Việc vắng mặt của 02 bị hại là Nguyễn Minh T và Hà Hoàng T1, người làm chứng là Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Thuý N, Nguyễn Hoàng D, Phan Phan Tinh K và Nguyễn Trường D, bị cáo không có ý kiến và đồng ý xét xử, Kiểm sát viên đề nghị xét xử vắng mặt các bị hại và người làm chứng. Hội đồng xét xử xét thấy, người làm chứng là Nguyễn Thị Tuyết N, Nguyễn Thị Thuý N có đơn xin vắng; người làm chứng là Nguyễn Hoàng D, Phan Phan Tinh K vắng mặt, không có đơn xin vắng. Xét thấy người bị hại, người làm chứng nêu trên đã có lời khai trong hồ sơ vụ án, việc vắng mặt họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt họ là đúng quy định tại Điều 292, 293 của Bộ luật tố tụng hình sự. Riêng người làm chứng là Nguyễn Trường D vắng mặt tại phiên toà, Hội đồng xét xử đã ra quyết định dẫn giải người làm chứng nhưng không thực hiện được do Nguyễn Trường D vắng mặt tại nơi cư trú, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Nguyễn Trường D và căn cứ vào lời khai của Nguyễn Trường D, biên bản đối chất giữa bị cáo với Nguyễn Trường D trong quá

trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án để xem xét, giải quyết.

[3]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Hoàng G thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo; lời khai nhận tội của bị cáo là hoàn toàn phù hợp với kết quả khám nghiệm hiện trường, thực nghiệm điều tra, lời khai của bị hại, lời khai của người làm chứng, biên bản đối chất giữa bị cáo và người làm chứng, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Với động cơ tư lợi cá nhân và thái độ xem thường pháp luật nên vào ngày 09/9/2023 và ngày 07/01/2024, Nguyễn Hoàng G đã 02 lần thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt của ông Nguyễn Minh T tại ấp A, xã A1, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre 01 điện thoại di động hiệu Apple, model Iphone 11, có giá trị 7.500.000 đồng và chiếm đoạt của ông Hà Hoàng T1 tại ấp H, xã Đ, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Wave S, biển kiểm soát 71B1-776.29, trị giá 7.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo Nguyễn Hoàng G đã lén lút chiếm đoạt của các bị hại là 14.500.000 đồng. Do đó, Nguyễn Hoàng G phải chịu trách nhiệm hình sự đối với hành vi đã thực hiện.

[4]. Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoàng G đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự nên bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5]. Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Bị cáo Nguyễn Hoàng G có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đủ khả năng nhận thức và điều khiển mọi hành vi của mình. Bị cáo phải biết khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, để phục vụ cho nhu cầu, lợi ích cá nhân với động cơ tham lam, chay lười lao động thích hưởng thụ, sẵn sàng chiếm đoạt tài sản của người khác. Lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của người khác vì vụ lợi. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác. Mặc khác, còn làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương, gây dư luận bất an và tâm lý lo lắng hoài nghi trong nội bộ quần chúng nhân dân đối với việc quản lý tài sản.

[6]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Nguyễn Hoàng G phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự "phạm tội 02 lần trở lên" theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[7]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoàng G đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình; Bị cáo có ông nội và bà nội là người có công với cách mạng. Do đó, bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[8]. Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội và nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo Nguyễn Hoàng G có nhân thân xấu. Cụ thể: Bị cáo có 02 tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma tuý. Sau khi thực hiện hành vi phạm tội vào ngày

09/9/2023, bị cáo đang được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện cho tại ngoại, trong quá trình đang điều tra lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Điều đó cho thấy bị cáo không biết cải sửa, đã thể hiện thái độ xem thường pháp luật của bị cáo nên cần áp dụng hình phạt nghiêm khắc là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho gia đình và xã hội, nhằm đảm bảo được tính răn đe, phòng ngừa chung cho cộng đồng.

[9]. Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng"*. Xét thấy, bản thân bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10]. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự, Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015:

Bị hại Hà Hoàng T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm, không xem xét.

Đối với bị hại Nguyễn Minh T đã nhận lại tài sản, có yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường chi phí sửa chữa điện thoại là 2.500.000 đồng. Trong quá trình điều tra, bị cáo và bị hại đã thoả thuận được số tiền bồi thường là 2.500.000 đồng, có lập biên bản ghi nhận sự thoả thuận. Tuy nhiên, do bị cáo chưa có tiền nên chưa thực hiện việc bồi thường nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận để bị cáo bồi thường số tiền trên cho bị hại.

[11]. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 243 ngày 23/11/2023 và số 108 ngày 22/02/2024, trả cho: ông Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động có đặc điểm như nêu trên; ông Hà Hoàng T1 01 xe mô tô biển số 71B1-776.29.

- Đối với 01 xe mô tô hai bánh không rõ nhãn hiệu, màu sơn xanh, số máy LC152FM00090289, số khung NJ110200012022, không bửng và yếm xe, đã qua sử dụng do không tìm được chủ sở hữu và ông Trương Thái S là người chiếm hữu xe không có yêu cầu nhận lại nên tịch thu sung công quỹ.

- Đối với biển số 71H2-0037, đã qua sử dụng do không tìm được chủ sở hữu nên tịch thu tiêu huỷ.

[12]. Đối với Nguyễn Trường D đi cùng với bị cáo vào ngày 07/01/2024 nhưng mục đích đến nhà bạn chơi. Trên đường đi, được bị cáo rủ rê trộm cắp tài sản nhưng không đồng ý thực hiện, có khuyên can và ngăn cản bị cáo bằng lời nói, không thực hiện hành vi bàn bạc, giúp sức, hỗ trợ bị cáo và không cùng bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nên không đủ căn cứ xác định có hành vi phạm tội.

[13]. Đối với việc Nguyễn Trường D biết rõ bị cáo trộm cắp tài sản nhưng không thuộc trường hợp quy định tại điểm c khoản 1 Điều 389 của Bộ luật hình sự nên không truy trách nhiệm hình sự tội "Không tố giác tội phạm" theo quy định tại Điều 390 của Bộ luật hình sự.

[14]. Đối với Nguyễn Vũ P, Nguyễn Hoàng D, Phan Phan Tinh K có hành vi giúp bị cáo kè, đẩy và cho gửi xe mô tô biển số 71B1-776.29 nhưng không biết xe do bị cáo trộm mà có nên không bị xử lý hình sự.

[15]. Đối với Phan Vũ P cho bị cáo mượn xe nhưng không biết bị cáo sử dụng xe làm phương tiện trộm cắp tài sản nên không xử lý.

[16]. Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[17]. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng G phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do người bị hại là ông Nguyễn Minh T và bị cáo có thoả thuận với nhau về việc bồi thường thiệt hại trước khi mở phiên toà và được Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm h, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng G 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 07/02/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ghi nhận bị cáo Nguyễn Hoàng G đồng ý bồi thường cho ông Nguyễn Minh T số tiền 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm nghìn đồng), là chi phí sửa chữa điện thoại.

3. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Ghi nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Mỏ Cày Nam đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 243 ngày 23/11/2023 và số 108 ngày 22/02/2024, trả cho:

+ Ông Nguyễn Minh T 01 điện thoại di động hiệu Iphone 11, Black, 64GB, màu đen, đã qua sử dụng.

+ Ông Hà Hoàng T1 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA, số loại Wave S, màu sơn xanh – bạc – đen, số máy C55E-4448587, số khung 5216CY594985, biển số 71B1-776.29, đã qua sử dụng.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ: 01 xe mô tô hai bánh không rõ nhãn hiệu, màu sơn xanh, số máy LC152FM00090289, số khung NJ110200012022, không bửng và yếm xe, đã qua sử dụng.

- Tuyên tịch thu tiêu huỷ: 01 biển số 71H2-0037, đã qua sử dụng.

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Nguyễn Hoàng G nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại vắng mặt thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ khi nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận :
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Mỏ Cày Nam;
- Công an huyện Mỏ Cày Nam;
- Chi cụcTHADS huyện Mỏ Cày Nam;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo; Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thúy Hằng